

# QUẢN TRỊ CÔNG TY TRONG CÁC DOANH NGHIỆP VIỆT NAM

TS. Trần Quốc Tuấn  
Nguyễn Văn Quý  
Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Chi nhánh TP.HCM

**Tóm tắt:** Bài nghiên cứu này xem xét lại thực trạng về vấn đề quản trị công ty (QTCT) tại các doanh nghiệp Việt Nam: QTCT còn khá mới mẻ không chỉ đối với bản thân các doanh nghiệp mà còn cả đối với các nhà hoạch định chính sách, vi phạm về quản trị của công ty tại các doanh nghiệp Việt Nam thời gian qua rất lớn và gây nhiều hậu quả nghiêm trọng không đáng có. Trên cơ sở phân tích thực trạng QTCT và từ đó gợi ý một số giải pháp nhằm hoàn thiện vấn đề QTCT của các doanh nghiệp và hoàn thiện hành lang pháp lý về QTCT tại Việt Nam.

**Từ khóa:** Quản trị công ty, nguyên tắc quản trị công ty.

## Đặt vấn đề

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, vấn đề QTCT ngày càng trở thành vấn đề thời sự và cần thiết của hầu hết các quốc gia trên thế giới nhằm tăng cường khả năng cạnh tranh của hệ thống doanh nghiệp và nền kinh tế. Những nghiên cứu của McKinsey, Credit Lyonnais Securities Asia và Ngân hàng Thế giới càng cho thấy tầm quan trọng của QTCT khi giá cổ phiếu và kết quả hoạt động công ty nói chung có mối tương quan chặt chẽ với việc thực hiện QTCT (Phạm Trí Hùng, 2008). Những công ty quản trị tốt sẽ mang lại hiệu quả cao cho nhà đầu tư, nhiều lợi ích hơn cho các thành viên khác trong công ty. Ngược lại, những công ty quản trị không tốt thường dẫn đến những hậu quả xấu. Kết quả nghiên cứu qua dự án “Thẻ điểm QTCT” do Tổ chức Tài chính Quốc tế (IFC), Diễn đàn QTCT Toàn cầu và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước công bố cuối năm 2010 cho thấy QTCT và đánh giá của thị trường luôn tương ứng với nhau. Theo đó, 25% doanh nghiệp đạt QTCT cao nhất sẽ được thị trường định giá cao hơn giá trị sổ sách 2,5 lần và điểm QTCT của những doanh nghiệp ở mức trung bình, thấp, sẽ có tỷ lệ tương ứng 1,7 và 1,6 lần (Mỹ Ý, 2011).

Bài viết này sẽ phân tích thực trạng QTCT trong những năm gần đây và đề xuất một số giải pháp nâng cao năng lực QTCT ở các đơn vị.

## Khái niệm và nguyên tắc quản trị công ty

QTCT theo OECD là những biện pháp nội bộ để điều hành và kiểm soát công ty, liên quan tới các mối quan hệ giữa ban giám đốc, hội đồng quản trị và các cổ đông của một công ty với các bên có quyền lợi liên quan. QTCT cũng tạo ra một cơ chế để đề ra các mục tiêu của công ty và xác định các phương tiện để đạt được mục tiêu đó cũng như để giám sát hoạt động công ty một cách hiệu quả, từ đó khuyến khích công ty sử dụng các nguồn lực một cách tốt hơn (Văn Thanh, 2011).

Vấn đề QTCT cũng như nhu cầu đối với hoạt động QTCT phát sinh ở mọi doanh nghiệp, nơi mà những người sở hữu không trực tiếp tham gia quản lý điều hành công ty mà lại giao trách nhiệm này cho các cán bộ quản lý. Nguy cơ có thể xảy ra là ban giám đốc điều hành công ty vì lợi ích riêng của bản thân họ chứ không vì quyền lợi của cổ đông. QTCT có thể giải quyết vấn đề này bằng cách buộc các thành viên hội đồng quản trị và cán bộ quản lý của công ty phải chịu trách nhiệm

trước cổ đông, đồng thời thông qua việc bảo vệ và tăng cường quyền “kiểm soát” của các cổ đông trong việc có tiếng nói quyết định với việc công ty được ban giám đốc điều hành như thế nào. Do những người chủ thật sự của công ty không trực tiếp điều hành công ty nên việc các thông tin liên quan đến công ty có được không đầy đủ và chính xác bằng các cán bộ quản lý chịu trách nhiệm điều hành công ty hàng ngày. Sự mất cân đối thông tin này tạo cho các cán bộ quản lý khả năng lừa dối các cổ đông cũng như điều hành công ty vì lợi ích của riêng họ. QTCT giải quyết vấn đề này thông qua tính minh bạch và cơ chế công bố thông tin thường xuyên. Điều này cho phép các cổ đông lẫn các nhà đầu tư tiềm năng giám sát hoạt động của ban giám đốc cũng như công ty.

Nhiều bộ quy tắc về QTCT tốt đã được xây dựng trong suốt một thập kỷ qua. Trên thế giới, có hơn 200 bộ quy chế QTCT đã được xây dựng cho hơn 72 quốc gia và vùng lãnh thổ. Trong số những bộ quy tắc này, chỉ có các nguyên tắc QTCT của OECD là có hướng dẫn cho cả các nhà hoạch định chính sách lẫn các doanh nghiệp và đề cập một cách khá đầy đủ các lĩnh vực trong phạm vi QTCT. Các nguyên tắc QTCT này đã được chấp nhận rộng rãi trên thế giới như một khuôn khổ chuẩn mực và một tài liệu tham khảo chuẩn trong lĩnh vực QTCT, được xuất bản lần đầu vào năm 1999 và đã được chỉnh sửa vào năm 2004. Khuôn khổ QTCT của OECD được xây dựng dựa trên bốn giá trị cốt lõi: (i) Sự công bằng, tất cả các cổ đông đều phải được đảm bảo cơ hội bảo vệ quyền lợi của mình nếu quyền lợi của họ bị xâm phạm; (ii) Tính trách nhiệm, quyền lợi của các bên liên quan phải được công nhận theo quy định của pháp luật, khuyến khích sự hợp tác tích cực giữa công ty và các bên có quyền lợi liên quan trong việc tạo ra của cải, công ăn việc làm, đảm bảo tính bền vững về mặt tài chính của công ty; (iii) Tính minh bạch, khuôn khổ QTCT phải đảm bảo việc công khai thông tin về các vấn đề quan

trọng liên quan tới công ty, bao gồm tình hình tài chính, kết quả hoạt động, quyền sở hữu. Cơ cấu kiểm soát luôn được thực hiện một cách kịp thời và chính xác; (iv) Trách nhiệm giải trình, công ty cần phải đảm bảo việc cung cấp định hướng chiến lược công ty, đảm bảo việc giám sát có hiệu quả từ phía hội đồng quản trị và đảm bảo trách nhiệm giải trình của hội đồng quản trị trước công ty và các cổ đông (Văn Thanh (2011)).

Trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay, vấn đề QTCT càng quan trọng khi các định chế tài chính, các tổ chức nước ngoài ngày càng gia nhập sâu vào nền kinh tế Việt Nam. Vì thế, có thể nói QTCT không chỉ là vấn đề của riêng bản thân doanh nghiệp mà còn là một chủ đề lớn nhận được sự quan tâm của Chính phủ, các nhà hoạch định chính sách, các cơ quan quản lý, các hãng truyền thông và toàn xã hội.

### **Thực trạng quản trị công ty tại các doanh nghiệp Việt Nam hiện nay**

Trong những năm gần đây, Chính phủ và các cơ quan quản lý nhà nước cùng các nhà hoạch định chính sách ngày càng nỗ lực trong việc xây dựng khung pháp lý về QTCT. Cho dù vẫn còn nhiều vấn đề cần được hoàn thiện, nhưng khuôn khổ pháp lý về QTCT đã có nhiều thay đổi và đã được cải thiện một cách đáng kể trong những năm gần đây. Những văn bản pháp quy về QTCT đã được ban hành như: Luật Đầu tư nước ngoài năm 1987 và những sửa đổi, bổ sung của Luật này năm 2005; Luật Doanh nghiệp năm 1999 và những sửa đổi, bổ sung của Luật này năm 2005; Luật Ngân hàng Nhà nước và Luật Các Tổ chức Tín dụng năm 1997 và các sửa đổi bổ sung năm 2010; Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2000; Luật Cạnh tranh 2004 và Luật Chứng khoán năm 2006. Dưới Luật Doanh nghiệp là Nghị định 139/2007/NĐ-CP ngày 20/9/2007 hướng dẫn thi hành chi tiết một số Điều của Luật Doanh nghiệp có cơ chế liên quan đến QTCT

tại Việt Nam; Thông tư 18/2007/TT-BTC ngày 13/3/2007 hướng dẫn về mua, bán lại cổ phiếu và một số trường hợp phát hành thêm cổ phiếu của công ty đại chúng; Quyết định 322/QĐ-TTGDHN ngày 09/11/2007 ban hành quy chế công bố thông tin trên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội; Quyết định 09/QĐ-SGDHCM ngày 20/3/2008 ban hành quy chế công bố thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh; Thông tư 52/2012/TT-BTC ngày 05/4/2012 hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; Thông tư 194/2009/TT-BTC ngày 02/10/2009 hướng dẫn việc chào mua công khai cổ phiếu của công ty đại chúng, chứng chỉ quỹ của quỹ đầu tư chứng khoán đại chúng dạng đóng; Thông tư 09/2010-BTC ngày 15/01/2010 hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Về chế tài xử phạt vi phạm về QTCT, tại Nghị định 84/2010/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 14/2007/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Nghị định 85/2010/NĐ-CP về xử phạt vi phạm trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán thay thế Nghị định 36/2007/NĐ-CP. Đặc biệt là Quyết định 12/2007/QĐ-BTC ngày 13/3/2007 của Bộ Tài chính về việc ban hành Quy chế QTCT áp dụng cho các công ty niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán.

Bên cạnh việc soạn thảo, ban hành một số quy chế, thông tư về QTCT, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cũng đã phối hợp với IFC triển khai “Dự án nâng cao chất lượng QTCT tại Việt Nam”. Trong khuôn khổ dự án này có nhiều hoạt động thiết thực nhằm nâng cao chất lượng QTCT tại Việt Nam như phối hợp với cơ quan của Chính phủ như Ngân hàng Nhà nước, Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương để có những khảo sát, đánh giá về những quy định khung pháp luật hiện hành về QTCT, từ đó đưa ra những khuyến nghị, sửa đổi, bổ sung nhằm nâng cao các tiêu chuẩn về QTCT tại Việt Nam.

QTCT là một yếu tố then chốt đẩy mạnh hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp nói riêng và hoạt động của thị trường tài chính nói chung. Thế nhưng, ở Việt Nam dường như khái niệm QTCT còn khá mới mẻ không chỉ riêng bản thân doanh nghiệp mà với phần lớn cả những nhà làm luật, nhà hoạch định chính sách. Vì vậy QTCT chưa thực sự được xã hội và cộng đồng doanh nghiệp coi trọng. Cũng bởi lý do đó nên việc Việt Nam chưa có được một bộ luật về QTCT và doanh nghiệp chưa có được một hệ thống QTCT tốt.

Đặc trưng lớn nhất của QTCT tại Việt Nam là vai trò, cách thức quản trị theo mô hình quản lý của doanh nghiệp mà nhà nước vẫn còn chi phối, đặc biệt ở những doanh nghiệp tuy đã là công ty cổ phần nhưng nhà nước vẫn nắm đa số vốn và trực tiếp kiểm soát thông qua đại diện là các thành viên hội đồng quản trị (Mỹ Ý, 2011). Ngoài ra, cơ cấu sở hữu tập trung, ít có sự phân chia giữa quyền sở hữu và quyền kiểm soát nên phần lớn các cổ đông kiểm soát cũng đóng vai trò là tổng giám đốc của công ty và là thành viên trong hội đồng quản trị. Một số công ty chỉ thực hiện việc phân tách giữa quyền sở hữu và quyền kiểm soát trên giấy tờ. Việc không phân tách giữa quyền sở hữu và quyền kiểm soát sẽ dẫn đến sự thiếu trách nhiệm và những yếu kém trong cơ cấu kiểm soát, sự lạm dụng giao dịch với các bên liên quan và sự yếu kém trong cung cấp thông tin. Thêm vào đó tình trạng phân cấp chồng chéo cũng như các thể chế QTCT chưa thật sự rõ ràng và chặt chẽ, càng có thể bị lợi dụng để gạt bỏ quyền lợi của các cổ đông nhỏ lẻ. Vai trò của các thể chế giám sát cũng như các ủy ban thuộc hội đồng quản trị, tổng giám đốc, thư ký công ty thường không rõ ràng trong các hoạt động hàng ngày của công ty. Các thành viên của các thể chế này phải có kinh nghiệm và năng lực, nhưng trong thực tế họ vẫn không nhận thức đầy đủ về trách nhiệm của mình do thiếu những nền tảng và thực tiễn tốt trong lĩnh vực của họ.

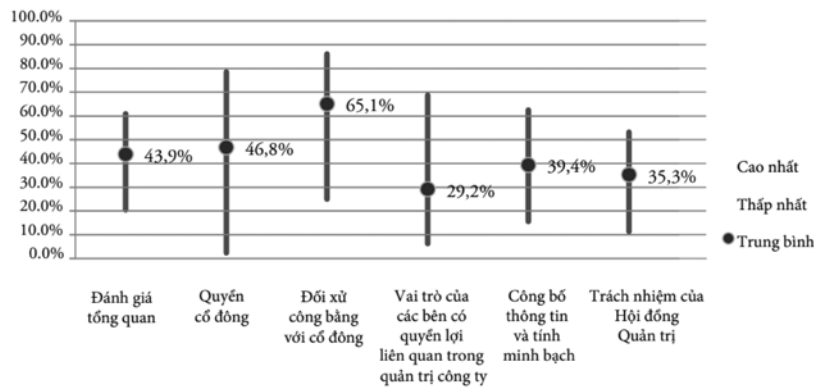
Thực tiễn cho thấy việc thực hiện QTCT tại Việt Nam vẫn còn ở mức thấp, tình trạng vi phạm những nguyên tắc cơ bản về QTCT như các vi phạm về quyền cổ đông, về minh bạch thông tin, về trách nhiệm của hội đồng quản trị cũng như việc đối xử thiếu công bằng với cổ đông diễn ra khá phổ biến. Theo báo cáo tại Hội thảo “Kỹ năng đưa tin về QTCT tại Việt Nam” được tổ chức tại Hà Nội từ ngày 5-7 tháng 5/2011, riêng đối với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội trung bình mỗi tháng có khoảng 50 vụ vi phạm về công bố thông tin. Qua khảo sát website của các doanh nghiệp niêm yết cho thấy, nhiều công ty chưa đăng tải đầy đủ và kịp thời các báo cáo, thông tin trên website của công ty theo quy định hoặc có địa chỉ website nhưng không truy cập được. Số liệu cho thấy chỉ 5% website vào được, 20% vào được nhưng không cập nhật thông tin, cá biệt có công ty yêu cầu người truy cập phải có tài khoản và mật khẩu thì mới được truy cập vào website của công ty (Văn Thanh, 2011).

Bên cạnh đó, còn rất nhiều đại hội đồng cổ đông chậm tổ chức hoặc tổ chức bất thành do sự thiếu hiểu biết của cổ đông về quyền lợi và trách nhiệm của mình khi tham dự đại hội nên đã không có đủ 51% cổ phần có quyền biểu quyết. Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Long đã không thể diễn ra thành công trong cả hai lần vì số lượng cổ đông tham dự chỉ chiếm khoảng 30% cổ phần có quyền biểu quyết. Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Vitaly ngày 05/5/2012 cũng không thể diễn ra do bởi chỉ có 10 cổ đông tham dự với tỷ lệ 30% cổ phần có quyền biểu quyết, thấp hơn so với quy định hiện hành. Ở chiều ngược lại, nhiều hội đồng quản trị của công ty cũng vi phạm nguyên tắc về trách nhiệm của hội đồng quản trị trong QTCT như chưa thực sự đối xử công bằng với mọi cổ đông, chưa quan tâm đến quyền lợi của cổ đông, chưa bảo vệ tối đa quyền lợi của cổ đông. Hay như trường hợp Trung tâm Lưu ký Chứng khoán không chốt danh sách cổ đông theo yêu cầu của Công ty Cổ phần Bọt giặt Net, vì lý do nghị quyết đại

hội cổ đông thường niên ngày 13/3/2011 của công ty không thể hiện kế hoạch chi trả cổ tức thông qua nghị quyết đại hội. Ngày 10/8/2011, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã ban hành quyết định xử phạt hành chính đối với Công ty Cổ phần Kinh Đô do công ty đã cho thành viên hội đồng quản trị, tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý và cổ đông tạm ứng tiền nhưng không có nghị quyết. Gần đây nhất là việc các công ty chứng khoán sử dụng tiền nhàn rỗi của nhà đầu tư vào mục đích công ty, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi nhà đầu tư. Điều này là do nhiều thành viên nhất là các cổ đông nhỏ, lẻ không được quyền tiếp cận thông tin quan trọng của công ty hoặc không có tiếng nói trong công ty bởi những quyền lợi đó chỉ tập trung ở ban giám đốc hoặc một vài cá nhân trong hội đồng quản trị. Thậm chí có những quyết định của hội đồng quản trị dù không vi phạm pháp luật nhưng ảnh hưởng không nhỏ đến quyền lợi của cổ đông, nhất là đối với cổ đông thiểu số.

Nguyên nhân chính của thực trạng trên là do nhận thức về QTCT ở Việt Nam còn thấp, luật pháp chưa đủ sức răn đe, ngăn chặn các trường hợp vi phạm. Việc thu được lợi ích từ vi phạm còn quá cao so với mức xử phạt hiện nay. Một nghiên cứu xác định hiện trạng nhận thức về QTCT tại Việt Nam được đánh giá dựa trên công bố thông tin rộng rãi trong năm 2009 và 2010 của 100 doanh nghiệp lớn nhất trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và IFC thực hiện cho thấy, điểm trung bình về thực hiện quản trị tại Việt Nam chỉ đạt 43,9%, trong đó tỷ lệ thực hiện quyền cổ đông chỉ đạt 46,8%, việc thực hiện trách nhiệm của hội đồng quản trị chỉ đạt 35,3% và việc thực hiện quyền của các bên có liên quan chỉ đạt 29,2%. Điều này cho thấy việc thực hiện QTCT ở Việt Nam còn rất kém và đó cũng là lý do giải thích tại sao trong Báo cáo môi trường kinh doanh các năm gần đây, Ngân hàng Thế giới liên tục xếp hạng Việt Nam thứ 170 năm 2009, thứ 172 năm 2010 trong số 183 quốc gia về chỉ số bảo vệ nhà đầu tư (IFC, 2011).

**Bảng 1: Kết quả tổng quan về QTCT trên từng lĩnh vực**



Nguồn: IFC (2011)

Việc nâng cao QTCT trong doanh nghiệp là cần thiết và cấp bách trong giai đoạn hiện nay. Đó không chỉ là vấn đề riêng của bản thân doanh nghiệp mà là cả một quá trình lâu dài với sự tham gia tích cực mạnh mẽ của tất cả các bên liên quan, từ Chính phủ, cơ quan quản lý đến doanh nghiệp và giới truyền thông. Vì thế, trong thời gian tới Việt Nam cần đẩy mạnh một số nội dung sau để nâng cao chất lượng QTCT.

**Một số giải pháp nâng cao vấn đề quản trị công ty trong các doanh nghiệp**

Thứ nhất, hoàn thiện khuôn khổ pháp lý liên quan đến QTCT. Hệ thống khung pháp lý về QTCT cần có đầy đủ để doanh nghiệp dựa trên đó triển khai thực thi. Hệ thống pháp luật cần được cải thiện theo hướng áp dụng các thông lệ quốc tế, ít nhất về mặt mô hình, nhằm có được các quy định QTCT thống nhất, cũng như các quy định nhằm bảo vệ quyền lợi của cổ đông thiểu số.

Thứ hai, xây dựng mô hình QTCT phù hợp với điều kiện doanh nghiệp Việt Nam. Về lâu dài việc xác định mô hình QTCT cho các doanh nghiệp Việt Nam trong dài hạn phải phù hợp với xu hướng chung của thế giới và các chuẩn mực được quốc tế công nhận. Doanh nghiệp tại nhiều nước trên thế giới ngày càng đi theo xu hướng huy động vốn trên thị trường chứng khoán, đa dạng hóa cơ cấu sở hữu. Vì vậy, mô hình QTCT thích hợp với phương thức huy động

vốn cũng như cơ cấu sở hữu này tất yếu phải là mô hình người sở hữu bên ngoài công ty.

Thứ ba, cưỡng chế thực thi pháp luật về QTCT. Để có thể cưỡng chế thực thi pháp luật về QTCT, điều đầu tiên cần phải xây dựng được lộ trình thực hiện các chỉ tiêu về QTCT, cụ thể là xây dựng hệ thống chỉ tiêu giám sát về QTCT. Bên cạnh đó cần xây dựng được bộ máy cưỡng chế thực thi công tác QTCT, bộ máy cưỡng chế này hoạt động càng hiệu quả thì QTCT sẽ ngày càng phát triển.

Thứ tư, đào tạo và phổ biến kiến thức về QTCT. Đào tạo và phổ biến kiến thức về QTCT đóng một vai trò quan trọng trong việc nâng cao nhận thức của dân chúng về QTCT. Để hoạt động giáo dục về QTCT được hiệu quả, cần phải xây dựng một kế hoạch toàn diện trên cơ sở phân tích và phân loại đối tượng giáo dục và nội dung cần giáo dục cho từng đối tượng. Việc cần làm là quy định ban điều hành doanh nghiệp phải được cơ quan chức năng có thẩm quyền tập huấn và có hoàn thành khóa học cần thiết về QTCT. Bên cạnh đó, cơ quan giám sát điều hành chung cần tổ chức các cuộc hội thảo, buổi tọa đàm để tuyên truyền phổ biến kiến thức về QTCT cho quần chúng nhân dân.

Thứ năm, bản thân mỗi doanh nghiệp, cổ đông, khách hàng nói riêng và toàn nền kinh tế nói chung cần phải tự nâng cao nhận thức về QTCT bằng việc tự trang bị cho mình kiến thức, hiểu biết luật pháp về

QTCT, tham gia các khóa đào tạo, tập huấn, các diễn đàn về QTCT để đảm bảo vừa tuân thủ đúng các nguyên tắc về QTCT, vừa biết bảo vệ quyền lợi cho bản thân và xã hội.

Thứ sáu, cần có sự tham gia mạnh mẽ của các tổ chức liên quan như các công ty kiểm toán, các nhà đầu tư tổ chức và các tổ chức tự quản chuyên trách về QTCT. Sự đóng góp của các tổ chức này giúp cho việc thực hiện các chức năng cơ bản của QTCT tốt hơn, doanh nghiệp làm ăn hiệu quả hơn. Bên cạnh các tổ chức này, Việt Nam cần hình thành tổ chức đánh giá xếp hạng tín nhiệm các doanh nghiệp theo tiêu chuẩn quốc tế phù hợp với điều kiện, đặc thù của Việt Nam.

Cuối cùng là cần tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực QTCT như phối hợp với các tổ chức quốc tế, các diễn đàn về QTCT trên toàn cầu để được tư vấn và chia sẻ kinh nghiệm, thông tin cũng như những kỹ năng về QTCT tốt trên thế giới.

## **Kết luận**

QTCT trong doanh nghiệp là việc làm cần thiết và cấp bách trong giai đoạn hiện nay, khi mà Việt Nam ngày càng gia nhập sâu vào thị trường tài chính chung của thế giới. Để công tác QTCT được tốt và hiệu quả, thì cần phải có sự đồng thuận chung của mọi tầng lớp trong toàn xã hội, từ Chính phủ, các cơ quan quản lý, bản thân doanh nghiệp và các tổ chức trung gian. Hệ thống pháp lý luật công ty cần được xây dựng đồng bộ, phù hợp với các nguyên tắc QTCT theo thông lệ quốc tế theo điều kiện cụ thể của Việt Nam. Bên cạnh đó cần xây dựng bộ máy điều hành và cưỡng chế thi hành luật khi cần thiết. Ngoài việc cơ quan quản lý chuyên trách về QTCT tuyên truyền phổ biến kiến thức về QTCT, bản thân doanh nghiệp, cổ đông và quần chúng nhân dân cũng phải tự mình trang bị cho mình; cùng với đó là tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực QTCT với các nước trên toàn thế giới<sup>■</sup>

---

## **Tài liệu tham khảo**

1. Phạm Trí Hùng (2008). *Quản trị công ty và kiểm soát xung đột: Góc tiếp cận của các doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam*. Báo cáo thường kỳ VNR. Số 02/2008.
2. IFC (2011). *Dự án quản trị công ty tại Việt Nam*. Bản tin số 2, tháng 3/2011. [http://www.ifc.org/ifcext/mekongpsdf.nsf/AttachmentsByTitle/CG+newsletter2-VN/\\$FILE/CG+newsletter2-VN.pdf](http://www.ifc.org/ifcext/mekongpsdf.nsf/AttachmentsByTitle/CG+newsletter2-VN/$FILE/CG+newsletter2-VN.pdf).
3. Khánh Hà (2010). *Quản trị công ty niêm yết: Mới dừng ở mức đối phó*. <http://vneconomy.vn/20101208051243871P0C5/quan-tri-cong-ty-niem-yet-moi-dung-o-muc-doi-pho.htm>.
4. Mỹ Ý (2011). *Quản trị công ty tại Việt Nam: Bao giờ theo tiêu chuẩn quốc tế?* <http://ddd.com.vn/20110531023822543/quan-tri-cong-ty-tai-viet-nam--bao-gio-theo-tieu-chuan-quoc-te.htm>.
5. Nguyễn Trường Sơn (2010). *Vấn đề quản trị công ty trong các doanh nghiệp Việt Nam*. Tạp chí khoa học và công nghệ, Đại học Đà Nẵng. Số 05/2010.
6. OECD (2004). *Principles of Corporate Governance*. <http://www.oecd.org/dataoecd/32/18/31557724.pdf>.
7. Tổ chức tài chính Quốc tế và Diễn đàn quản trị công ty toàn cầu phối hợp với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. *Báo cáo thẻ điểm quản trị công ty. Năm 2010*.
8. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (2008). *Thị trường chứng khoán và quản trị công ty*. Nhà xuất bản Lao động.
9. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và IFC (2010). *Cẩm nang quản trị công ty*.
10. Văn Thanh (2011). *Quản trị công ty tại các ngân hàng thương mại Việt Nam*. [http://www.sbv.gov.vn/wps/portal/!ut/p/c4/04\\_SB8K8xLLM9MSSzPy8xBz9CP0os3gDFxNLczdTEwMLQ1dLA09\\_X--AYNcAQwNzA\\_2CbEdFAFjmS9E!/?WCM\\_PORTLET=PC\\_7\\_0D497F5408A701OVKL3FS1GE5\\_WCM&WCM\\_GLOBAL\\_CONTEXT=/wps/wcm/connect/sbv\\_vn/sbv\\_vn/vn.sbv.research/vn.sbv.research.research/e0097180496a27079ad3da6a83dec13](http://www.sbv.gov.vn/wps/portal/!ut/p/c4/04_SB8K8xLLM9MSSzPy8xBz9CP0os3gDFxNLczdTEwMLQ1dLA09_X--AYNcAQwNzA_2CbEdFAFjmS9E!/?WCM_PORTLET=PC_7_0D497F5408A701OVKL3FS1GE5_WCM&WCM_GLOBAL_CONTEXT=/wps/wcm/connect/sbv_vn/sbv_vn/vn.sbv.research/vn.sbv.research.research/e0097180496a27079ad3da6a83dec13).